

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020/DS-ST**

Ngày: 28-9-2020

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tấn Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyển
Bà Nguyễn Thị Phụng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-DS ngày 19/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-DS ngày 07/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Điều B, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước;

- Bị đơn: Ông Điều L, sinh năm 1980; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn b, xã PR, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

+ Bà Thị D, sinh năm 1985, (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Thôn S, xã ĐH, huyện B, tỉnh Bình Phước;

+ Bà Thị O, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã PT, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Điều B trình bày:

Vào ngày 03/11/2018, ông Điều B cho ông Điều L vay số tiền 100.000.000 đồng,

mục đích là để đảo sổ Ngân hàng; thời hạn vay là 01 tháng, từ ngày 03/11/2018 đến ngày 03/12/2018; lãi suất trong thời hạn vay từ ngày 03/11/2018 đến ngày 03/12/2018 là 30.000 đồng/1.000.000 đồng tức là 3%/tháng. Việc cho vay được tiến hành ở nhà ông B tại Thôn S, xã ĐH, huyện B, tỉnh Bình Phước, có làm “Giấy mượn tiền” viết tay, lập ngày 03/11/2018, có chữ ký của ông B và ông L, không có người chứng kiến và không được công chứng, chứng thực hợp pháp.

Tuy nhiên, ông L đã vi phạm không thực hiện đúng như thỏa thuận vay tiền, từ khi vay tiền đến nay, ông L chưa trả tiền gốc và lãi cho ông B như đã thỏa thuận. Mặc dù ông đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông L cứ quanh co, chây ì và tìm mọi lý do để không trả nợ cho ông B.

Nguồn gốc số tiền này là do ông B vay nóng của người khác và chủ nơi ông cạo thuê mỏ cao su. Việc cho vay này vợ ông B và vợ ông L đều không chứng kiến và không biết. Hiện nay, những chủ nợ đòi tiền ông B nhưng ông B không có khả năng chi trả nên hoàn cảnh gia đình ông B rất khó khăn.

Nay ông B khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Điều L trả cho ông B số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định.

- *Bị đơn ông Điều L trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án ông L vắng mặt không có lý do chính đáng nên không có ý kiến trình bày trong vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thị D trình bày:* Bà là vợ của ông Điều B. Bà có biết việc chồng bà cho ông Điều L vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), bà không đồng ý và có khuyên ngăn không cho vay nhưng chồng bà không nghe và vẫn cho ông L vay tiền. Việc vay mượn tiền này bà không chứng kiến trực tiếp vì khi đó bà không có mặt ở nhà, chỉ nghe ông B nói lại sau đó. Số tiền cho vay này là tiền riêng của ông B, không liên quan gì đến bà vì số tiền này là do ông B vay mượn của người khác. Bà thống nhất với lời trình bày của ông B và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B. Bà không có ý kiến gì hay yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Thị O trình bày:* Bà là vợ của ông Điều L. Việc chồng bà vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) của ông Điều B thì bà không biết, chỉ sau này nghe ông L nói lại thì bà mới biết. Số tiền vay này không dùng để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, còn ông L dùng vào việc gì thì bà không biết. Do đó, ông L phải có trách nhiệm trả nợ cho ông B, bà không liên quan và không có trách nhiệm gì đối với khoản vay này. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông B thì bà không có ý kiến gì, không có yêu cầu gì. Nay do đường xá xa xôi, bận công việc nên bà đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại Tòa án và xin được vắng mặt trong suốt

quá trình giải quyết vụ án tại Tòa.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Điều B thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Điều L trả nợ vay 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- *Kiểm sát viên trình bày quan điểm tại phiên tòa: (Có bản phát biểu riêng)*

+ *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục và tuân thủ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Điều B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do ông Điều B thực hiện quyền khởi kiện; người bị kiện ông Điều L có nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú tại thôn B, xã PT, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn ông Điều L đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với ông L.

Bị đơn không nộp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Xét thấy, “Giấy vay tiền” đề ngày 03/11/2018 đã được ông Điều B và ông Điều L ký kết bằng văn bản trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự đúng quy định tại các Điều 116, 117, 119 và 120 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên

theo quy định pháp luật.

Theo nội dung “Giấy vay tiền” thể hiện ông Điều B cho ông Điều L vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích là để đáo sổ Ngân hàng; thời hạn vay là 01 tháng, từ ngày 03/11/2018 đến ngày 03/12/2018; lãi suất trong thời hạn vay trong hạn từ ngày 03/11/2018 đến ngày 03/12/2018 là 30.000 đồng/1.000.000 đồng tức là 3%/tháng.

Từ khi vay tiền đến nay, ông L không thực hiện việc thanh toán tiền vay cho ông B theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo thỏa thuận trong “Giấy vay tiền” đã ký. Ông B cũng đã nhiều lần thông báo cho ông L nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay. Do đó, việc ông B khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông L trả cho ông số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ trả nợ vay: Theo giấy vay tiền đề ngày 03/11/2018 thể hiện cá nhân ông L vay tiền của ông B; vợ ông L là bà Thị O không biết việc ông L vay tiền, không sử dụng số tiền vay vào mục đích phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình; ông B cũng chỉ yêu cầu cá nhân ông L trả nợ vay. Do đó, cần buộc cá nhân ông L có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền vay trên.

- Về lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Điều B không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Điều L phải chịu 5.000.000 đồng. Hoàn trả cho ông Điều B số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 158, 164, 165, 180; Điều 227, 235, 266; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 116; 117; 119; 120, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Các Điều 13, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Điều B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Điều L có nghĩa vụ trả cho ông Điều B số tiền 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên

đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Điều L phải chịu 5.000.000đ đồng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*).

Hoàn trả cho ông Điều B số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (*Bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011593, quyển số 0232 ngày 22/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Tấn Trường